TÒA ÁN NHÂN DÂN **HỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 5 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm
Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Kiều T – sinh năm 1995 (có mặt)
Trú tại: ấp Ông B, xã Khánh B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Mã Văn N – sinh năm 1981(vắng mặt)
Trú tại: ấp Ông B, xã Khánh B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-02-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Kiều T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2013 chị T và anh Mã Văn N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh B, Hện T, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh N ghen vô cớ và đánh đập chị T. Hai người đã ly thân gần 01 năm nay. Gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh N.

Về nuôi con chung: Chị T và anh N có 01 người con chung là Mã Nguyễn Gia H – sinh ngày 15-6-2013, đang sống với anh N. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Mã Văn N đúng theo quy định pháp luật nhưng anh N không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Mã Văn N đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Kiều T với anh Mã Văn N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị T trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh N ghen vô cớ và đánh đập chị T. Hai người đã ly thân gần 01 năm nay mà không có liên hệ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về phía anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án. Tại phiên tòa, chị T kiên quyết ly hôn với anh N. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Kiều T được ly hôn với anh Mã Văn N.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị T và anh N có 01 người con chung là Mã Nguyễn Gia H – sinh ngày 15-6-2013, đang sống với anh N. Tại phiên tòa, chị T thay đổi yêu cầu, tự thỏa thuận với anh N về nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về chia tài sản và nợ chung*: Chị T xác định không có.

[5] *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 143, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Nguyễn Kiều T với anh Mã Văn N.

2. Về nuôi con chung: Chị T và anh N có 01 người con chung là Mã Nguyễn Gia H – sinh ngày 15-6-2013. Chị T tự thỏa thuận với anh N về nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Chị T xác định không có.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 27-02- 2018, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007837 tại Chi cục thi hành án dân sự Hện T, tỉnh Cà Mau được cHển thu đối trừ.

Án xử sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND Huyện T;
- Chi cục THADS Huyện T;
- UBND xã Khánh B, Huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Thái Hoàng Đắc